

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 9 - 2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Tân
2. Ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy– Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 236/2018/TLST- HNGĐ ngày 24/5/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Ngọc L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: tổ a, ấp S, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ N, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương Thị Ngọc L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ngọc L và anh Lê Văn T trước đây có tự nguyện tìm hiểu, sau đó về chung sống nhau từ năm 2011, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là anh T hay chơi

bài bạc, bỏ bê công việc, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng hiện không còn chung sống cùng nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh P, sinh ngày 07/3/2012. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Lê Văn T: Sau khi tòa án thụ lý đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Văn T không có ý kiến, cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Lê Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Ngọc L, cho chị L được ly hôn với anh Lê Văn T và giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

Kiến nghị: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong vụ án này, chị Trương Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Lê Văn T hiện cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn Trương Thị Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Lê Văn T vẫn không đến tham gia phiên tòa theo thời gian đã ấn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Lê Văn T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị Ngọc L xác nhận vợ chồng chung sống cùng nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên bài bạc, không lo làm ăn, không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T lên để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng anh đều vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình và cũng không thể hiện được ý chí muốn đoàn tụ với chị L.

Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và ý kiến của bà Lê Thị A là mẹ của anh Lê Văn T cung cấp thì xác định trong quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên bài bạc, chị L đã chuyển về nhà mẹ để ở từ đầu năm 2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng chị L không còn chung sống cùng nhau, không yêu thương và quan tâm cho nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T không còn ý nghĩa, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Lê Thanh P, sinh ngày 07/3/2012. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị L là người trực tiếp nuôi con, quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có ý kiến thể hiện nguyện vọng được nuôi con nên việc giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Ngọc L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc L phải chịu số tiền 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc L

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ngọc L được ly hôn với anh Lê Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 24/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Thanh P, sinh ngày 07/3/2012 cho chị Trương Thị Ngọc L được trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Ngọc L không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc L phải chịu số tiền 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004718 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn do vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thành Liêm